

PHỤ LỤC

CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Kèm theo Văn bản số: /SGDDĐT-KHTC ngày /9/2023 của Sở GDĐT Ninh Bình)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa
I	Các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (quy định mức thu tối đa).		
1	Trông giữ xe đạp, xe máy		
-	Xe đạp, xe đạp điện	đồng/học sinh/ tháng	10.000
-	Xe máy điện, xe máy	đồng/học sinh/ tháng	20.000
2	Tổ chức ăn bán trú		
a	Tiền ăn đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học	đồng/học sinh/ngày	25.000
b	Tiền ăn đối với học sinh trường THPT Dân tộc nội trú	đồng/học sinh/ngày	45.000
c	Tiền chăm sóc bán trú (bao gồm tiền chi bồi dưỡng trực trưa cho giáo viên, cán bộ quản lý, các đối tượng nhân viên khác được phân công và tiền thuê người nấu ăn)	đồng/học sinh/ tháng	150.000
d	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú:		
-	Thu lần đầu tuyển mới vào trường (đầu cấp)	đồng/học sinh/lần	300.000
-	Thu bổ sung hàng năm để đầu tư thay thế dụng cụ hư hỏng, mất mát	đồng/học sinh/năm học	100.000
3	Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non công lập vào các ngày nghỉ, ngày hè, ngoài giờ hành chính.		
a	Ngày nghỉ thứ 7, ngày hè	đồng/học sinh/ngày	30.000
b	Ngoài giờ hành chính	đồng/học sinh/giờ	10.000
4	Thẻ học sinh	đồng/học sinh/năm	30.000
5	Làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo, học sinh lớp 1, 2 và dạy học tiếng Anh đối với học sinh phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12.		
a	Làm quen Tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo, lớp 1, 2 (giáo viên là người Việt Nam)	đồng/học sinh/ tiết	8.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa
b	Làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo, học sinh lớp 1, 2 và dạy học tiếng Anh đối với học sinh phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12 (giáo viên là người nước ngoài)		
-	Giáo viên là người bản ngữ	đồng/học sinh/tiết	50.000
-	Giáo viên không phải là người bản ngữ	đồng/học sinh/tiết	40.000
6	Làm quen Tin học lớp 1, 2	đồng/học sinh/ tiết	8.000
7	Dạy thêm, học thêm		
a	Dạy thêm các môn đối với tiểu học: Bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục thể thao, rèn luyện kỹ năng sống.	đồng/học sinh/tiết	6.000
b	Dạy thêm các môn văn hóa đối với THCS (chỉ thu đối với các tiết học tăng thời lượng)	đồng/học sinh/tiết	7.000
c	Dạy thêm các môn văn hóa đối với THPT (chỉ thu đối với các tiết học tăng thời lượng)	đồng/học sinh/tiết	8.000
8	Học phẩm phục vụ các kỳ thi, kiểm tra (giấy thi, giấy nháp, phôi tô đề thi)	đồng/học sinh/năm học	60.000
9	Vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh	đồng/học sinh/ tháng	25.000
10	Nước uống, nước sinh hoạt học sinh	đồng/học sinh/ tháng	20.000
11	Tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày, do nhà trường tổ chức thực hiện đối với học sinh tiểu học đến thời điểm được cha mẹ đón về nhà (đối với các trường tiểu học tổ chức dạy 02 buổi/ngày, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định tại Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018)	đồng/học sinh/tiết	6.000
12	Môn học tự chọn	đồng/học viên/tiết	5.000
II	Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (không quy định mức thu tối đa):		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tiền điện phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh (điều hòa, quạt, bình nóng lạnh, chiếu sáng và các thiết bị điện phục vụ hoạt động dạy và học trên lớp); xe đưa đón học sinh; sổ liên lạc điện tử; sổ theo dõi trẻ điện tử; sách giáo khoa, tài liệu, đồ dùng, đồ chơi và học liệu; dạy kỹ năng sống đối với học sinh phổ thông (do tổ chức được cấp phép triển khai tại nhà trường); các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường.	đồng/học sinh/ tháng hoặc đồng/học sinh/năm học	Theo thực tế, nhu cầu, thỏa thuận
2	Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu của người học	đồng/học viên/tiết	Các cơ sở GDTX công lập được quyết định mức thu
3	Tổ chức thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	đồng/học viên/lần dự thi	Các cơ sở GDTX công lập được quyết định mức thu